BỘ CÂU HỎI ÔN TẬP MÔN KIẾN THỨC CHUNG

Câu 1. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Không phải là tỉnh miền núi, vùng cao có trên một triệu dân được bầu tối đa bao nhiêu đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh?
A. 70 đại biểu
B. 75 đại biểu
C. 80 đại biểu
D. 85 đại biểu
Câu 2. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Tỉnh miền núi, vùng cao được bầu tối đa bao nhiêu đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh?
A. 70 đại biểu
B. 75 đại biểu
C. 80 đại biểu
D. 85 đại biểu
Câu 3. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Cơ quan có thẩm quyền quy định tiêu chuẩn, điều kiện thành lập Ban Dân tộc là:
A. Ủy ban Thường vụ Quốc hội
B. Chính phủ
C. Thủ tướng Chính phủ
D. Bộ trưởng Bộ Nội vụ
Câu 4. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình thì Hội đồng nhân dân tỉnh được quyền ban hành văn bản có tên loại là:
A. Nghị định
B. Nghị quyết
C. Thông tư
D. Chỉ thị
Câu 5. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Cơ quan nào có thẩm quyền quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh?
A. Hội đồng nhân dân tỉnh
B. Ủy ban nhân dân tỉnh
C. Thủ tướng Chính phủ
D. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
Câu 6. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Cơ quan nào có thẩm quyền quyết định biện pháp phát triển hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc tuyến tỉnh, tuyến huyện, tuyến xã?
A. Chính phủ
B. Bộ Y tế
C. Hội đồng nhân dân tỉnh
D. Sở Y tế
Câu 7. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Ủy ban nhân dân tỉnh loại một có không quá
A. 2 Phó Chủ tịch
B. 3 Phó Chủ tịch

C. 4 Phó Chủ tịch
D. 5 Phó Chủ tịch

Câu 8. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Ủy ban nhân dân tỉnh loại hai và loại ba có không quá

A. 2 Phó Chủ tịch
B. 3 Phó Chủ tịch
C. 4 Phó Chủ tịch
D. 5 Phó Chủ tịch

Câu 9. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Cơ quan có thẩm quyền quy định tổ chức bộ máy và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh là

A. Chính phủ
B. Bộ trưởng Bộ Nội vụ
C. Ủy ban nhân dân tỉnh
D. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Câu 10. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Thẩm quyền quản lý và tổ chức sử dụng có hiệu quả công sở, tài sản, các phương tiện làm việc và ngân sách nhà nước được giao trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật thuộc về

A. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
B. Sở Tài chính
C. Tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh
D. Ủy ban nhân dân tỉnh

Câu 11. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Huyện miền núi, vùng cao, hải đảo có từ bốn mươi nghìn dân trở xuống được bầu

A. 25 đại biểu
B. 30 đại biểu
C. 35 đại biểu
D. 40 đại biểu

Câu 12. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Huyện miền núi, vùng cao, hải đảo được bầu tối đa là

A. 25 đại biểu
B. 30 đại biểu
C. 35 đại biểu
D. 40 đại biểu

Câu 13. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Không phải huyện miền núi, vùng cao, hải đảo có từ tám mươi nghìn dân trở xuống được bầu

A. 25 đại biểu
B. 30 đại biểu
C. 35 đại biểu
D. 40 đại biểu

Câu 14. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Không phải huyện miền núi, vùng cao, hải đảo được bầu tối đa là

A. 25 đại biểu
B. 30 đại biểu
C. 35 đại biểu

D. 40 đại biểu

Câu 15. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân ở huyện có từ ba mươi đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc trở lên do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, nhưng tổng số không quá

A. 30 đại biểu
B. 35 đại biểu
C. 40 đại biểu
D. 45 đại biểu

Câu 16. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Hội đồng nhân dân huyện thành lập các ban nào?

A. Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - xã hội; nơi nào có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số thì thành lập Ban Dân tộc.
B. Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - xã hội.
C. Ban Pháp chế, Ban Kinh tế, Ban Xã hội.
D. Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - xã hội; Ban Dân tộc.

Câu 17. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Hội đồng nhân dân huyện có nhiệm vụ, quyền hạn nào sau đây

A. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân huyện; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm Tòa án nhân dân huyện.
B. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân huyện; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện.
C. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân huyện; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện; miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm Tòa án nhân dân huyện.
D. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân huyện; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện; bầu, bãi nhiệm Hội thẩm Tòa án nhân dân huyện.

Câu 18. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Hội đồng nhân dân huyện có nhiệm vụ, quyền hạn nào sau đây

A. Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp xã.
B. Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.
C. Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Hội đồng nhân dân xã.
D. Đình chỉ toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; Hội đồng nhân dân cấp xã.

Câu 19. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Hội đồng nhân dân huyện có nhiệm vụ, quyền hạn nào sau đây
A. Thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và hằng năm của huyện, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.
B.Thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn của huyện, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.
C. Thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và hằng năm của huyện, quy hoạch, sử dụng đất của huyện trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.
D. Thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và hằng năm của huyện, trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.
Câu 20. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Hội đồng nhân dân huyện có nhiệm vụ, quyền hạn nào sau đây
A. Quyết định quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện.
B. Quyết định quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện trong phạm vi được phân quyền.
C. Quyết định quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện trong phạm vi được phân quyền.
D. Quyết định kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện trong phạm vi được phân quyền.
Câu 21. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Ủy ban nhân dân huyện loại một có không quá
A. 2 Phó Chủ tịch
B. 3 Phó Chủ tịch
C. 4 Phó Chủ tịch
D. 5 Phó Chủ tịch
Câu 22. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Ủy ban nhân dân huyện loại hai, loại ba có không quá
A. 2 Phó Chủ tịch
B. 3 Phó Chủ tịch
C. 4 Phó Chủ tịch
D. 5 Phó Chủ tịch
Câu 23. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện gồm
A. Các Ủy viên là người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Ủy viên phụ trách quân sự, Ủy viên phụ trách công an.
B. các Ủy viên là người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện.
C. các Ủy viên là người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Ủy viên phụ trách công an.
D. các Ủy viên là người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Ủy viên phụ trách quân sự.
Câu 24. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Quy định tổ chức bộ máy và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện là thẩm quyền của
A. Hội đồng nhân dân huyện
B. Ủy ban nhân dân huyện
C. Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện
D. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

Câu 25. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có nhiệm vụ, quyền hạn
A. Lãnh đạo và điều hành công việc của Ủy ban nhân dân, các thành viên Ủy ban nhân dân huyện; lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã.
B. Lãnh đạo và điều hành công việc của Ủy ban nhân dân, các thành viên Ủy ban nhân dân huyện; lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.
C. Lãnh đạo và điều hành công việc của Ủy ban nhân dân, các thành viên Ủy ban nhân dân huyện; lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện.
D. Lãnh đạo và điều hành công việc của Ủy ban nhân dân, các thành viên Ủy ban nhân dân huyện, xã; lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện.
Câu 26. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Cơ quan Chịu trách nhiệm trước chính quyền địa phương cấp huyện về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở xã là
A. Đảng ủy xã
B. Hội đồng nhân dân xã
C. Ủy ban nhân dân xã
D. Chính quyền địa phương xã
Câu 27. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Xã miền núi, vùng cao và hải đảo có từ hai nghìn dân trở xuống được bầu
A. 10 đại biểu
B. 15 đại biểu
C. 20 đại biểu
D. 22 đại biểu
Câu 28. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Xã miền núi, vùng cao và hải đảo có trên hai nghìn dân đến dưới ba nghìn dân được bầu
A. 16 đại biểu
B. 18 đại biểu
C. 19 đại biểu
D. 20 đại biểu
Câu 29. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Xã miền núi, vùng cao và hải đảo có từ ba nghìn dân đến bốn nghìn dân được bầu hai mươi mốt đại biểu; có trên bốn nghìn dân thì cứ thêm một nghìn dân được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá
A. 30 đại biểu
B. 32 đại biểu
C. 35 đại biểu
D. 36 đại biểu
Câu 30. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Không phải xã miền núi, vùng cao và hải đảo được bầu không quá
A. 29 đại biểu
B. 30 đại biểu
C. 31 đại biểu
D. 32 đại biểu

Câu 31. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Ủy ban nhân dân xã loại một, loại hai có không quá
A. 1 Phó Chủ tịch
B. 2 Phó Chủ tịch
C. 3 Phó Chủ tịch
D. 4 Phó Chủ tịch
Câu 32. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Ủy ban nhân dân xã loại ba có
A. 1 Phó Chủ tịch
B. 2 Phó Chủ tịch
C. 3 Phó Chủ tịch
D. 4 Phó Chủ tịch
Câu 33. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; áp dụng các biện pháp để giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật là thẩm quyền của
A. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện
B. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã
C. Bí thư Đảng ủy xã
D. Trưởng công an xã
Câu 34. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Hội đồng nhân dân họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi
A. Thường trực Hội đồng nhân dân yêu cầu.
B. Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp yêu cầu.
C. Thường trực Hội đồng nhân dân, hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu.
D. Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu.
Câu 35. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Trong trường hợp cần thiết Hội đồng nhân dân họp kín theo đề nghị của
A. Thường trực Hội đồng nhân dân.
B. Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.
C. Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân
D. Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân
Câu 36. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng nhân dân quyết định sửa đổi, bổ sung chương trình kỳ họp đã được thông qua theo đề nghị của
A. Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân.
B. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp.

C. Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp.
D. Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Câu 37. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới được triệu tập chậm nhất là

A. 45 ngày kể từ ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân
B. 60 ngày kể từ ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân
C. 75 ngày kể từ ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân
D. 90 ngày kể từ ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân

Câu 38. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Trong nhiệm kỳ, Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định triệu tập kỳ họp thường lệ trước ngày khai mạc kỳ họp chậm nhất là

A. 7 ngày
B. 10 ngày
C. 14 ngày
D. 20 ngày

Câu 39. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Trong nhiệm kỳ, Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định triệu tập kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc đột xuất trước ngày khai mạc kỳ họp chậm nhất là

A. 5 ngày
B. 7 ngày
C. 10 ngày
D. 20 ngày

Câu 40. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân bắt buộc

A. Không giữ chức vụ quá hai nhiệm kỳ
B. Không giữ chức vụ quá hai nhiệm kỳ liên tục.
C. Không giữ chức vụ quá hai nhiệm kỳ liên tục ở cùng một đơn vị hành chính.
D. Giữ chức vụ quá hai nhiệm kỳ liên tục ở cùng một đơn vị hành chính.

Câu 41. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Kết quả bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải được phê chuẩn bởi

A. Ủy ban Thường vụ Quốc hội
B. Quốc hội
C. Thủ tướng Chính phủ
D. Chủ tịch nước

Câu 42. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Kết quả bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện phải được phê chuẩn bởi

A. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
B. Hội đồng nhân dân tỉnh
C. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh
D. Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Câu 43. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Kết quả bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã phải được phê chuẩn bởi
A. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện
B. Hội đồng nhân dân cấp huyện
C. Chủ tịch Hội đồng nhân cấp huyện
D. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện
Câu 44. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Kết quả bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải được
A. Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn
B. Chính phủ phê chuẩn
C. Quốc hội phê chuẩn
D. Chủ tịch nước phê chuẩn
Câu 45. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Kết quả bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải được
A. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn
B. Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn
C. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn
D. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn
Câu 46. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Kết quả bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải được
A. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê chuẩn
B. Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn
C. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê chuẩn
D. Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn
Câu 47. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo bằng cách
A. Biểu quyết từng vấn đề.
B. Biểu quyết từng vấn đề, sau đó biểu quyết toàn bộ.
C. Biểu quyết toàn bộ một lần.
D. Biểu quyết từng vấn đề, sau đó biểu quyết toàn bộ hoặc biểu quyết toàn bộ một lần
Câu 48. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp Hội đồng nhân dân phải được Thường trực Hội đồng nhân dân gửi lên Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp; đối với cấp tỉnh thì phải được gửi lên Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ
A. Chậm nhất là 5 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp
B. Chậm nhất là 7 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp
C. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp
D. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp
Câu 49. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Thời hạn, thời điểm, trình tự lấy phiếu tín nhiệm đối với người được Hội đồng nhân dân lấy phiếu tín nhiệm do
A. Quốc hội quy định

B. Chính phủ quy định
C. Chủ tịch nước quy định
D. Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

Câu 50. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Nghị quyết về bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân được thông qua khi có

A. Ít nhất một phần hai tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành
B. Ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành
C. Ít nhất ba phần tư tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành
D. Ít nhất bốn phần năm tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành

Câu 51. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Quyết định những tài liệu được lưu hành tại kỳ họp Hội đồng nhân dân là thẩm quyền của

A. Hội đồng nhân dân
B. Thường trực Hội đồng nhân dân
C. Chủ tịch Hội đồng nhân dân
D. Quốc hội

Câu 52. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Tài liệu kỳ họp Hội đồng nhân dân phải được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân chậm nhất là

A. 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác
B. 04 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác
C. 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác
D. 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

Câu 53. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự kỳ họp, phiên họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước với

A. Chủ tịch Hội đồng nhân dân
B. Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân
C. Hội đồng nhân dân
D. Thường trực Hội đồng nhân dân

Câu 54. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo để Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định khi có

A. Một phần hai tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân trở lên kiến nghị Hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm đối với một người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu, kiến nghị Hội đồng nhân dân họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất hoặc họp kín.
B. Một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân trở lên kiến nghị Hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm đối với một người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu, kiến nghị Hội đồng nhân dân họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất hoặc họp kín.
C. Hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân trở lên kiến nghị Hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm đối với một người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu, kiến nghị Hội đồng nhân dân họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất hoặc họp kín.
D. Ba phần tư tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân trở lên kiến nghị Hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm đối với một người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu, kiến nghị

Hội đồng nhân dân họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất hoặc họp kín.

Câu 55. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Việc chấp nhận đại biểu Hội đồng nhân dân thôi làm nhiệm vụ đại biểu do

A. Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.
B. Chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định
C. Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định
D. Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định

Câu 56. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị khởi tố bị can thì cơ quan có thẩm quyền quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân đó là

A. Thường trực Hội đồng nhân dân
B. Hội đồng nhân dân
C. Chủ tịch Hội đồng nhân dân
D. Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân

Câu 57. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Đại biểu Hội đồng nhân dân không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân, không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân thì bị

A. Hội đồng nhân dân bãi nhiệm
B. Cử tri bãi nhiệm
C. Hội đồng nhân dân hoặc cử tri bãi nhiệm
D. Thường trực Hội đồng nhân dân bãi nhiệm

Câu 58. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Trong trường hợp Hội đồng nhân dân bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân thì việc bãi nhiệm phải được

A. Ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành
B. Ít nhất một phần hai tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành
C. Ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành
D. Ít nhất ba phần tư tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành

Câu 59. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Trong trường hợp cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân thì việc bãi nhiệm được tiến hành theo trình tự do

A. Quốc hội quy định
B. Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định
C. Chủ tịch nước quy định
D. Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định

Câu 60. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách phải dành ít nhất

A. Một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân.
B. Một phần tư thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân.
C. Một phần năm thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân.

D. Hai phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân.

Câu 61. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Cơ quan trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định cụ thể về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân là

A. Chủ tịch nước
B. Chủ tịch quốc hội
C. Chính phủ
D. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Câu 62. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Cơ quan Phê chuẩn danh sách Ủy viên của các Ban của Hội đồng nhân dân trong số đại biểu Hội đồng nhân dân và việc cho thôi làm Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân theo đề nghị của Trưởng ban của Hội đồng nhân dân là

A. Hội đồng nhân dân
B. Thường trực Hội đồng nhân dân
C. Chủ tịch Hội đồng nhân dân
D. Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Câu 63. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Cơ quan trình Hội đồng nhân dân lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu là

A. Hội đồng nhân dân
B. Thường trực Hội đồng nhân dân
C. Chủ tịch Hội đồng nhân dân
D. Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Câu 64. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Thường trực Hội đồng nhân dân họp thường kỳ mỗi tháng

A. Một lần
B. Hai lần
C. Ba lần
D. Bốn lần

Câu 65. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Khi xét thấy cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân có thể họp đột xuất theo đề nghị của

A. Hội đồng nhân dân
B. Chủ tịch Hội đồng nhân dân
C. Chủ tịch Ủy ban nhân dân
D. 1/3 số đại biểu Hội đồng nhân dân

Câu 66. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp, nếu vì lý do đặc biệt không thể tham gia thì phải báo cáo

A. Chủ tịch Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.
B. Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định
C. Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định
D. Chủ tịch Ủy ban nhân dân

Câu 67. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Chủ tịch Hội đồng nhân dân có thể ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch Hội đồng

nhân dân hoặc Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân tiếp công dân, nhưng ít nhất mỗi quý Chủ tịch Hội đồng nhân dân phải bố trí thời gian
A. 01 ngày để trực tiếp tiếp công dân.
B. 02 ngày để trực tiếp tiếp công dân.
C. 03 ngày để trực tiếp tiếp công dân.
D. 04 ngày để trực tiếp tiếp công dân.
Câu 68. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Ủy ban nhân dân họp thường kỳ mỗi tháng
A. Một lần
B. Hai lần
C. Ba lần
D. Bốn lần
Câu 69. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Thành viên Ủy ban nhân dân có trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên họp Ủy ban nhân dân, nếu vắng mặt phải báo cáo và được
A. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đồng ý
B. Chủ tịch Hội đồng nhân dân đồng ý
C. Ủy ban nhân dân đồng ý
D. Thường trực Hội đồng nhân dân đồng ý.
Câu 70. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Phiên họp Ủy ban nhân dân chỉ được tiến hành khi có ít nhất
A. Hai phần ba tổng số thành viên Ủy ban nhân dân tham dự
B. Một phần hai tổng số thành viên Ủy ban nhân dân tham dự
C. Ba phần tư tổng số thành viên Ủy ban nhân dân tham dự
D. Đủ thành viên Ủy ban nhân dân tham dự
Câu 71. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Chương trình, thời gian họp và các tài liệu trình tại phiên họp phải được gửi đến các thành viên Ủy ban nhân dân chậm nhất là
A. 03 ngày làm việc trước ngày bắt đầu phiên họp thường kỳ
B. 05 ngày làm việc trước ngày bắt đầu phiên họp thường kỳ
C. 07 ngày làm việc trước ngày bắt đầu phiên họp thường kỳ
D. 10 ngày làm việc trước ngày bắt đầu phiên họp thường kỳ
Câu 72. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Chương trình, thời gian họp và các tài liệu trình tại phiên họp phải được gửi đến các thành viên Ủy ban nhân dân chậm nhất là
A. 01 ngày trước ngày bắt đầu phiên họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất
B. 02 ngày trước ngày bắt đầu phiên họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất
C. 03 ngày trước ngày bắt đầu phiên họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất
D. 04 ngày trước ngày bắt đầu phiên họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất
Câu 73. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Quyết định điều động Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là thẩm quyền của
A. Chủ tịch nước
B. Quốc hội

C. Thủ tướng Chính phủ
D. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao
Câu 74.Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Thủ tướng Chính phủ Quyết định cách chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là thẩm quyền của
A. Chủ tịch Quốc hội
B. Thủ tướng Chính phủ
C. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao
D. Tổng kiểm toán nhà nước
Câu 75. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, biên chế của cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; quy định việc tổ chức công tác tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã là thẩm quyền của
A. Chính phủ
B. Thủ tướng Chính phủ
C. Chủ tịch nước
D. Quốc hội
Câu 76. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh; đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính cấp tỉnh; giải quyết tranh chấp liên quan đến địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh là thẩm quyền của
A. Quốc hội
B. Hội đồng dân tộc
C. Ủy ban Thường vụ Quốc hội
D. Chủ tịch nước
Câu 77. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; giải quyết tranh chấp liên quan đến địa giới đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã là thẩm quyền của
A. Quốc hội
B. Ủy ban Thường vụ Quốc hội
C. Chính phủ
D. Thủ tướng Chính phủ
Câu 78. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Tham mưu, giúp Chính phủ xây dựng đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh trình Quốc hội là
A. Bộ Nội vụ
B. Văn phòng Chính phủ
C. Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI)
D. Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Câu 79. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Cơ quan xây dựng đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trực thuộc báo cáo Chính phủ là
A. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
B. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

C. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
D. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Câu 80. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Kinh phí xây dựng đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của

A. Chính phủ
B. Quốc hội
C. Ngân hàng nhà nước
D. Thanh tra Chính phủ

Câu 81. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Cơ quan thẩm tra đề án của Chính phủ về việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh để báo cáo Quốc hội; thẩm tra đề án của Chính phủ về việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội là

A. Ủy ban Tư pháp của Quốc hội
B. Ủy ban Pháp luật của Quốc hội
C. Ủy ban Kinh tế của Quốc hội
D. Hội đồng dân tộc

Câu 82. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Cơ quan có thẩm quyền giải tán Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là

A. Quốc hội
B. Ủy ban Thường vụ Quốc hội
C. Chủ tịch nước
D. Chính phủ

Câu 83. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Cơ quan có thẩm quyền giải tán Hội đồng nhân dân cấp huyện là

A. Quốc hội
B. Ủy ban Thường vụ Quốc hội
C. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
D. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Câu 84. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Cơ quan có thẩm quyền giải tán Hội đồng nhân dân cấp xã là

A. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
B. Hội đồng nhân dân cấp huyện
C. Ủy ban nhân dân cấp huyện
D. Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện

Câu 85. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Nghị quyết giải tán Hội đồng nhân dân cấp xã của Hội đồng nhân dân cấp huyện phải trình

A. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn
B. Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn
C. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn
D. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn

Câu 86. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Nghị quyết giải tán Hội đồng nhân dân cấp huyện của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải trình

A. Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn.
B. Quốc hội phê chuẩn

C. Chính phủ phê chuẩn
D. Chủ tịch nước phê chuẩn

Câu 87. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)

Cơ quan quyết định và công bố ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân trong trường hợp giải tán Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là

A. Quốc hội
B. Ủy ban Thường vụ Quốc hội
C. Thủ tướng Chính phủ
D. Chủ tịch Quốc hội

Câu 88. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh Cơ quan quyết định và công bố ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân trong trường hợp giải tán Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã là

A. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
B. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
C. Các ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
D. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Câu 89. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày

A. 01 tháng 7 năm 2020
B. 31 tháng 12 năm 2020
C. 01 tháng 01 năm 2021
D. 01 tháng 07 năm 2021

Câu 90. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Hội đồng nhân dân tỉnh được thành lập nhiều nhất bao nhiêu ban?

A. 3 ban
B. 4 ban
C. 5 ban
D. 6 ban

Câu 91. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư được Chính phủ ban hành vào ngày/tháng/năm nào?

A. Ngày 05 tháng 3 năm 2020
B. Ngày 03 tháng 5 năm 2020
C. Ngày 01 tháng 7 năm 2020
D. Ngày 01 tháng 8 năm 2020

Câu 92. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về công tác văn thư có hiệu lực thi hành vào ngày/tháng/năm nào?

A. Ngày 05 tháng 3 năm 2020
B. Ngày 01 tháng 7 năm 2020
C. Ngày 31 tháng 12 năm 2020
D. Ngày 01 tháng 01 năm 2021

Câu 93. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về công tác văn thư có hiệu lực thi hành, thay thế cho Nghị định nào trước đó của Chính phủ quy định về công tác văn thư?

A. Nghị định số 111/2004/NĐ-CP và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP
B. Nghị định số 19/2010/NĐ-CP và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP
C. Nghị định số 110/2004/NĐ-CP và Nghị định số 09/2010/NĐ-CP

D. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP

Câu 94. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ: "thông tin thành văn được truyền đạt bằng ngôn ngữ hoặc ký hiệu, hình thành trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức và được trình bày đúng thể thức, kỹ thuật theo quy định" là

A. Dữ liệu

B. Thông tin

C. Văn bản

D. Hồ sơ

Câu 95. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ: "văn bản hình thành trong quá trình thực hiện hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của một ngành, lĩnh vực do người đứng đầu cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực quy định" là

A. Văn bản chuyên môn

B. Văn bản chuyên ngành

C. Văn bản đến

D. Văn bản điện tử

Câu 96. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ: "Văn bản hình thành trong quá trình chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc của các cơ quan, tổ chức" là

A. Văn bản chuyên ngành

B. Văn bản hành chính

C. Văn bản chỉ đạo

D. Văn bản chỉ đạo, điều hành

Câu 97. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ: "Văn bản dưới dạng thông điệp dữ liệu được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và trình bày đúng thể thức, kỹ thuật, định dạng theo quy định" là

A. Văn bản điện tử

B. Văn bản dữ liệu điện tử

C. Văn bản kỹ thuật điện tử

D. Văn bản định dạng

Câu 98. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Văn bản đi là

A Tất cả các loại văn bản do cơ quan, tổ chức nhận được từ cơ quan, tổ chức khác

A. Tất cả các loại văn bản do cơ quan, tổ chức gửi đi

C. Tất cả các loại văn bản do cơ quan, tổ chức phát hành

D. Tất cả các loại văn bản do cơ quan, tổ chức ban hành

Câu 99. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Văn bản đến là

A. Tất cả các loại văn bản do cơ quan, tổ chức nhận được từ cơ quan, tổ chức, cá nhân khác gửi đến

B. Một số loại văn bản do cơ quan, tổ chức nhận được từ cơ quan, tổ chức, cá nhân khác gửi đến

C. Tất cả các loại văn bản do cơ quan, tổ chức nhận được từ cơ quan, tổ chức, cá nhân khác gửi đến qua đường bưu điện

D. Tất cả các loại văn bản do cơ quan, tổ chức nhận được từ cơ quan, tổ chức, cá nhân khác gửi đến qua mạng xã hội

Câu 100. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Bản được viết hoặc đánh máy hoặc tạo lập bằng phương tiện điện tử hình thành trong quá trình soạn thảo một văn bản của cơ quan, tổ chức là

A. Bản thảo văn bản

B. Bản gốc văn bản

C. Bản chính văn bản
D. Bản sao văn bản điện tử

Câu 101. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Bản hoàn chỉnh về nội dung, thể thức văn bản, được người có thẩm quyền trực tiếp ký trên văn bản giấy hoặc ký số trên văn bản điện tử là

A. Bản thảo văn bản
B. Bản chính văn bản
C. Bản gốc văn bản
D. Bản sao y

Câu 102. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Bản hoàn chỉnh về nội dung, thể thức văn bản, được tạo từ bản có chữ ký trực tiếp của người có thẩm quyền là

A. Bản thảo văn bản
B. Bản gốc văn bản
C. Bản chính văn bản giấy
D. Bản sao y

Câu 103. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Bản sao đầy đủ, chính xác nội dung của bản gốc hoặc bản chính văn bản, được trình bày theo thể thức và kỹ thuật quy định là

A. Bản sao y
B. Bản sao lục
C. Bản trích sao
D. Bản thảo văn bản

Câu 104. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Bản sao đầy đủ, chính xác nội dung của bản sao y, được trình bày theo thể thức và kỹ thuật quy định là

A. Bản gốc văn bản
B. Bản sao y
C. Bản sao lục
D. Bản trích sao

Câu 105. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Bản sao chính xác phần nội dung của bản gốc hoặc phần nội dung của bản chính văn bản cần trích sao, được trình bày theo thể thức và kỹ thuật quy định là

A. Bản sao y
B. Bản sao lục
C. Bản trích sao
D. Bản chính văn bản giấy

Câu 106. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Bảng kê có hệ thống những hồ sơ dự kiến được lập trong năm của cơ quan, tổ chức là

A. Bảng kê hồ sơ
B. Hồ sơ
C. Danh mục hồ sơ
D. Lập hồ sơ

Câu 107. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Tập hợp các văn bản, tài liệu có liên quan với nhau về một vấn đề, một sự việc, một đối tượng cụ thể hoặc có đặc điểm chung, hình thành trong quá trình theo dõi, giải quyết công việc thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân là

A. Hồ sơ
B. Lập hồ sơ

C. Quản lý hồ sơ
D. Danh mục hồ sơ

Câu 108. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Việc tập hợp, sắp xếp văn bản, tài liệu hình thành trong quá trình theo dõi, giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo những nguyên tắc và phương pháp nhất định là

A. Kiểm tra hồ sơ
B. Quản lý hồ sơ
C. Lập hồ sơ
D. Lưu trữ hồ sơ

Câu 109. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Hệ thống thông tin được xây dựng với chức năng chính để thực hiện việc tin học hóa công tác soạn thảo, ban hành văn bản; quản lý văn bản; lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan trên môi trường mạng là

A. Hệ thống thông tin
B. Hệ thống hồ sơ
C. Hệ thống hồ sơ điện tử
D. Hệ thống quản lý tài liệu điện tử

Câu 110. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Văn thư cơ quan là bộ phận

A. Chỉ thực hiện nhiệm vụ nhận văn bản đến
B. Chỉ thực hiện nhiệm vụ gửi văn bản đi
C. Chỉ thực hiện một số nhiệm vụ công tác văn thư của cơ quan, tổ chức
D. Thực hiện một số nhiệm vụ công tác văn thư của cơ quan, tổ chức

Câu 111. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ xác định nguyên tắc của công tác văn thư là

A. Công tác văn thư được thực hiện thống nhất theo quy định của pháp luật
B. Công tác văn thư được thực hiện thống nhất theo quy định của cơ quan
C. Công tác văn thư được thực hiện thống nhất theo quy định của Nhà nước
D. Công tác văn thư được thực hiện thống nhất theo quy định của Đảng

Câu 112. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Văn Bản đến có các mức độ khẩn nào phải được đăng ký, trình và chuyển giao ngay sau khi nhận được?

A. Khẩn, thượng khẩn, hỏa tốc
B. Rất khẩn, hỏa tốc
C. Hỏa tốc
D. Khẩn, hỏa tốc

Câu 113. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Văn bản phải được theo dõi, cập nhật trạng thái

A.Gửi, nhận, lưu
B.Gửi, nhận, sửa
C.Gửi, nhận, chuyển
D.Gửi, nhận, xử lý

Câu 114. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Ai là người có trách nhiệm lập hồ sơ về công việc được giao và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan?

A. Người đứng đầu của cơ quan, tổ chức
B. Người được giao theo dõi công việc của cơ quan, tổ chức
C. Người được giao giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức
D. Người được giao giải quyết, theo dõi công việc của cơ quan, tổ chức

Câu 115. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Con dấu, thiết bị lưu khóa bí mật của cơ quan, tổ chức phải được quản lý, sử dụng theo quy định của
A. Chính phủ
B. Bộ Nội vụ
C. Pháp luật
D. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức
Câu 116. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Chữ ký số trên văn bản điện tử phải đáp ứng đầy đủ các quy định của
A. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức
B. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
C. Văn phòng Chính phủ
D. Pháp luật
Câu 117. Cá nhân trong quá trình theo dõi, giải quyết công việc có liên quan đến công tác văn thư
A. Phải thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.
B. Chỉ thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP
C. Tuân theo Luật Lưu trữ năm 2011
D. Phải thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP và các luật có liên quan.
Câu 118. Văn thư cơ quan có bao nhiêu nhiệm vụ?
A. 5 nhiệm vụ
B. 6 nhiệm vụ
C. 7 nhiệm vụ
D. 8 nhiệm vụ
Câu 119. Có bao nhiêu loại văn bản hành chính được quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ?
A. 15 loại
B. 25 loại
C. 29 loại
D. 39 loại
Câu 120. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Công điện là
A. Văn bản quy phạm pháp luật
B. Văn bản chuyên ngành
C. Văn bản cá biệt
D. Văn bản hành chính
Câu 121. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Giấy mời là
A.Văn bản quy phạm pháp luật
B.Văn bản chuyên ngành
C.Văn bản cá biệt
D.Văn bản hành chính
Câu 122. Thể thức văn bản hành chính gồm bao nhiêu thành phần chính được quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ?
A. 5 thành phần
B. 7 thành phần
C. 9 thành phần
D. 12 thành phần

Câu 123. Ngoài các thành phần chính quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 30/2020/NĐ-CP, văn bản hành chính có thể bổ sung bao nhiêu thành phần khác?
A. 3
B. 4
C. 5
D. 6
Câu 124. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Văn bản đi phải hoàn thành thủ tục tại Văn thư cơ quan và phát hành trong ngày văn bản đó được ký, chậm nhất là
A. Trong ngày làm việc tiếp theo
B. Trong 2 ngày làm việc tiếp theo
C. Trong 3 ngày làm việc tiếp theo
D. Trong 4 ngày làm việc tiếp theo
Câu 125. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Duyệt bản thảo văn bản phải tuân theo quy định nào sau đây
A. Bản thảo văn bản phải do người có thẩm quyền ký văn bản duyệt.
B. Trường hợp bản thảo văn bản đã được phê duyệt nhưng cần sửa chữa, bổ sung thì phải trình người có thẩm quyền ký xem xét, quyết định.
C. Cả A và B
D. Quy định của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.
Câu 126. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Chọn đáp áp đúng nhất về Kiểm tra văn bản trước khi ký ban hành
A. Người đứng đầu đơn vị soạn thảo văn bản phải kiểm tra và chịu trách nhiệm trước người đứng đầu cơ quan, tổ chức và trước pháp luật về nội dung văn bản.
B. Người được giao trách nhiệm kiểm tra thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản phải kiểm tra và chịu trách nhiệm trước người đứng đầu cơ quan, tổ chức và trước pháp luật về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản.
C. Cả A và B đều đúng
D. Cả A và B đều sai
Câu 127. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Trong trường hợp đặc biệt, ai là người không được ủy quyền lại cho người khác ký?
A. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức
B. Người ký thừa ủy quyền
C. Cả A và B đều đúng
D. Cả A và B đều sai
Câu 128. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Ai phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về văn bản do mình ký ban hành?
A. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức
B. Người soạn thảo văn bản
C. Người ký văn bản
D. Người ký và soạn thảo văn bản
Câu 129. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Đối với văn bản giấy, khi ký văn bản dùng bút có mực màu
A. Xanh, không dùng các loại mực dễ phai
B. Đen, không dùng các loại mực dễ phai
C. Đỏ, không dùng các loại mực dễ phai
D. Màu gì cũng được
Câu 130. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định có mấy loại chữ ký?

A. 1 loại (chữ ký trên văn bản giấy)
B. 2 loại (chữ ký trên văn bản giấy và chữ ký số)
C. 3 loại (chữ ký trên văn bản giấy, chữ ký số, chữ ký trên văn bản trích sao)
D. 4 loại (chữ ký trên văn bản giấy, chữ ký trên văn bản trích sao hoặc sao y hoặc sao lục)

Câu 131. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định có mấy hình thức sao y?

A. 1 hình thức: Sao y từ văn bản giấy sang văn bản giấy
B. 2 hình thức: Sao y từ văn bản giấy sang văn bản giấy, sao y từ văn bản điện tử sang văn bản giấy
C. 3 hình thức: Sao y từ văn bản giấy sang văn bản giấy, sao y từ văn bản điện tử sang văn bản giấy, sao y từ văn bản giấy sang văn bản điện tử.
4 hình thức: Sao y từ văn bản giấy sang văn bản giấy, sao y từ văn bản điện tử sang văn bản giấy, sao y từ văn bản giấy sang văn bản điện tử, sao y từ văn bản điện tử sang văn bản điện tử

Câu 132. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Tham mưu cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn việc lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan đối với cơ quan, tổ chức cấp dưới, tổ chức thực hiện việc lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ tại cơ quan, tổ chức là trách nhiệm của ai?

A. Người đứng đầu bộ phận hành chính
B. Văn thư cơ quan
C. Người đứng đầu các đơn vị trong cơ quan
D. Mọi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan

Câu 133. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Đơn vị và cá nhân trong cơ quan, tổ chức có trách nhiệm nộp lưu những hồ sơ, tài liệu được xác định thời hạn bảo quản từ

A. 03 năm trở lên vào Lưu trữ cơ quan
B. 04 năm trở lên vào Lưu trữ cơ quan.
C. 05 năm trở lên vào Lưu trữ cơ quan.
D. 06 năm trở lên vào Lưu trữ cơ quan.

Câu 134. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Khi đóng dấu lên chữ ký, dấu đóng phải trùm lên

A. Khoảng 1/3 chữ ký về phía bên trái
B. Khoảng 2/3 chữ ký về phía bên trái
C. Khoảng 1/3 chữ ký về phía bên phải
D. Khoảng 2/3 chữ ký về phía bên phải

Câu 135. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Việc đóng dấu treo, dấu giáp lai, đóng dấu nổi trên văn bản giấy do

A. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức quy định
B. Trưởng bộ phận hành chính quy định
C. Văn thư cơ quan quy định
D. Cơ quan quy định

Câu 136. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Dấu giáp lai được đóng vào khoảng giữa mép phải của văn bản hoặc phụ lục văn bản, trùm lên một phần các tờ giấy, mỗi dấu đóng tối đa

A. 2 tờ văn bản
B. 3 tờ văn bản

C. 4 tờ văn bản
D. 5 tờ văn bản

Câu 137. Có bao nhiêu nội dung quản lý nhà nước đối với công tác văn thư

A. 5 nội dung
B. 6 nội dung
C. 7 nội dung
D. 8 nội dung

Câu 138. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Nội dung nào sau đây là nội dung quản lý nhà nước về công tác văn thư

A. Đầu tư quốc tế trong công tác văn thư
B. Liên kết quốc tế trong công tác văn thư
C. Hợp tác quốc tế trong công tác văn thư
D. Tất cả đều đúng

Câu 139. Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về công tác văn thư ?

A. Bộ Nội vụ
B. Văn phòng Chính phủ
C. Bộ Khoa học & công nghệ
D. Bộ Công an

Câu 140. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ có

A. 6 Chương 30 Điều
B. 7 Chương 33 Điều
C. 8 Chương 35 Điều
D. 9 Chương 38 Điều

Câu 141. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Định lề trang văn bản được quy định như sau

A. Cách mép trên và mép dưới 20 - 25 mm, cách mép trái 30 - 35 mm, cách mép phải 20 -25 mm.
B. Cách mép trên và mép dưới 20 - 25 mm, cách mép trái 25 - 30 mm, cách mép phải 15-20 mm.
C. Cách mép trên và mép dưới 20 mm, cách mép trái 30 - 35 mm, cách mép phải 15-20 mm.
D. Cách mép trên và mép dưới 20 - 25 mm, cách mép trái 30 - 35 mm, cách mép phải 15-20 mm.

Câu 142.Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Số trang văn bản được quy định như sau

A. Được đánh từ số 1, bằng chữ số Ả Rập, cỡ chữ 13, kiểu chữ đứng, được đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản, không hiển thị số trang thứ nhất.
B. Được đánh từ số 1, bằng chữ số Ả Rập, cỡ chữ 14, kiểu chữ đứng, được đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản, không hiển thị số trang thứ nhất.
C. Được đánh từ số 1, bằng chữ số Ả Rập, cỡ chữ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, được đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản, không hiển thị số trang thứ nhất.
D. Được đánh từ số 1, bằng chữ số Ả Rập, cỡ chữ 12 đến 13, kiểu chữ đứng, được đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản, không hiển thị số trang thứ nhất.

Câu 143. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Quốc hiệu "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM":

A. Được trình bày bằng chữ in thường, cỡ chữ từ 12 đến 13, kiểu chữ đứng, đậm và ở phía trên cùng, bên phải trang đầu tiên của văn bản.
B. Được trình bày bằng chữ in hoa, cỡ chữ từ 12 đến 13, kiểu chữ đứng, đậm và ở phía trên cùng, bên phải trang đầu tiên của văn bản.
C. Được trình bày bằng chữ in hoa, cỡ chữ từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, đậm và ở phía trên cùng, bên phải trang đầu tiên của văn bản.
D. Được trình bày bằng chữ in hoa, cỡ chữ từ 12 đến 13, kiểu chữ đứng và ở phía trên cùng, bên phải trang đầu tiên của văn bản.

Câu 144. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Khi trình bày bản sao sang định dạng giấy, các cụm từ "SAO Y", "SAO LỤC", "TRÍCH SAO" được trình bày bằng chữ in hoa, cỡ chữ từ

A. 12 đến 13, kiểu chữ đứng
B. 12 đến 13, kiểu chữ đứng, đậm
C. 12 đến 14, kiểu chữ đứng, đậm
D. 13 đến 14, kiểu chữ đứng, đậm

Câu 145. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Thủ đô của nước ta được viết hoa trong văn bản hành chính như thế nào?

A. Thủ đô Hà Nội
B. thủ đô Hà Nội
C. Thủ đô HÀ NỘI
D. thủ đô HÀ NỘI

Câu 146. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Ngày Quốc khánh của nước ta được trình bày như thế nào mới đúng quy định?

A. Ngày Quốc khánh 2-9
B. ngày Quốc khánh 2-9
C. Ngày Quốc khánh 2 tháng 9
D. ngày quốc khánh 2 tháng 9

Câu 147. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp viện dẫn phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của một văn bản cụ thể thì trường hợp viết hoa nào sau đây là đúng

A. Điểm a khoản 2 Điều 103 Mục 5 Chương XII Phần I của Bộ luật Hình sự
B. điểm a Khoản 2 Điều 103 Mục 5 Chương XII Phần I của Bộ luật Hình sự
C. Điểm a Khoản 2 Điều 103 Mục 5 Chương XII Phần I của Bộ luật Hình sự
D. điểm a khoản 2 Điều 103 Mục 5 Chương XII Phần I của Bộ luật Hình sự

Câu 148. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Chương trình là văn bản hành chính được viết tắt là

A. CT
B. Ctr
C. CTr
D. ChT

Câu 149. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Đối với an ninh thông tin, văn bản hành chính cần đảm bảo các cấp độ an ninh thông tin theo quy định của

A. Bộ Công an
B. Bộ Thông tin và truyền thông
C. Quốc hội
D. Pháp luật

Câu 150. Theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Một trong những yêu cầu đối với việc bảo quản và lưu trữ hồ sơ, văn bản là Cho phép tự động thông báo hồ sơ đến hạn nộp lưu vào Lưu trữ cơ quan trước

A. 10 ngày kể từ ngày Lưu trữ cơ quan thông báo Danh mục hồ sơ nộp lưu cho đơn vị giao nộp tài liệu

B. 20 ngày kể từ ngày Lưu trữ cơ quan thông báo Danh mục hồ sơ nộp lưu cho đơn vị giao nộp tài liệu

C. 25 ngày kể từ ngày Lưu trữ cơ quan thông báo Danh mục hồ sơ nộp lưu cho đơn vị giao nộp tài liệu

D. 30 ngày kể từ ngày Lưu trữ cơ quan thông báo Danh mục hồ sơ nộp lưu cho đơn vị giao nộp tài liệu

Câu 151. Nghị định 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 27/11/2020 quy định về nội dung gì?

A. Tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức

B. Tuyển dụng, bổ nhiệm và quản lý công chức

C. Tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức

D. Xét tuyển, sử dụng và quản lý công chức

Câu 152. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, cơ quan nào là cơ quan quản lý công chức?

A. Cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; Tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương.

B. Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước; Bộ, cơ quan ngang Bộ và các tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

C. Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

D. Tất cả các đáp án

Câu 153. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, việc tuyển dụng công chức phải căn cứ vào yêu cầu nào sau đây?

A. Nhiệm vụ, vị trí việc làm và trình độ, năng lực của người dự tuyển

B. Trình độ, năng lực của người dự tuyển, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế

C. Nhiệm vụ, Trình độ, năng lực của người dự tuyển và chỉ tiêu biên chế

D. Nhiệm vụ, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế

Câu 154. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, có bao nhiêu nhóm đối tượng được cộng điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển công chức?

A. Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B.

B. Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động.

C. Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong.

D. Tất cả các đáp án

Câu 155. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển công chức được cộng điểm ưu tiên vào vòng nào

A. Vòng 1
B. Vòng 2
C. Vòng 1 hoặc Vòng 2
D. Vòng 3

Câu 156. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, đối tượng nào sau đây được ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển công chức được và được cộng điểm ưu tiên 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2?

A. Anh hùng Lực lượng vũ trang
B. Anh hùng Lao động
C. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B.
D. Tất cả phương án

Câu 157. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, đối tượng nào sau đây được ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển công chức được cộng điểm ưu tiên 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2?

A. Anh hùng Lực lượng vũ trang
B. Anh hùng Lao động
C. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B
D. Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong

Câu 158. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, thi tuyển công chức được thực hiện theo bao nhiêu vòng?

A. 2 vòng hoặc 1 vòng
B. 2 vòng
C. 3 vòng
D. 1 vòng

Câu 159. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, kỳ thi tuyển công chức nếu vòng 1 (Thi kiểm tra kiến thức, năng lực chung) được tổ chức thi theo hình thức trắc nghiệm trên máy tính, nội dung thi gồm những phần nào?

A. Ngoại ngữ và Tin học
B. Kiến thức chung và Ngoại ngữ (trừ trường hợp được miễn ngoại ngữ)
C. Kiến thức chung và Tin học
D. Kiến thức chung và Ngoại ngữ và Tin học

Câu 160. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, trong thi tuyển công chức, trường hợp nào được miễn phần thi tin học?

A. Có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên các chuyên ngành liên quan đến tin học
B. Có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên các chuyên ngành liên quan đến công nghệ thông tin
C. Có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên các chuyên ngành liên quan đến tin học, công nghệ thông tin
D. Không được miễn trường hợp nào

Câu 161. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, việc thi tuyển công chức ở vòng 2 (Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành) có thể tổ chức theo hình thức nào?

A. Phỏng vấn
B. Viết
C. Kết hợp phỏng vấn và viết
D. Căn cứ vào tính chất, đặc điểm và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định một trong ba hình thức thi: Phỏng vấn; viết; kết hợp phỏng vấn và viết.

Câu 162. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, trường hợp nào sau đây được miễn phần thi ngoại ngữ ở vòng 1 (Thi kiểm tra kiến thức, năng lực chung)?

A. Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.
B. Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định.
C. Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số, trong trường hợp dự tuyển vào công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số.
D. Tất cả các đáp án.

Câu 163. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, việc tuyển dụng công chức thông qua hình thức xét tuyển do cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định và được thực hiện riêng đối với nhóm đối tượng nào?

A. Người học theo chế độ cử tuyển theo quy định của Luật Giáo dục, sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương nơi cử đi học
B. Người cam kết tình nguyện làm việc từ 05 năm trở lên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn
C. Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng
D. Tất cả phương án

Câu 164. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, người cam kết tình nguyện làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ bao nhiêu năm trở lên thì có thể thuộc đối tượng được xét tuyển công chức?

A. 02 năm
B. 03 năm
C. 04 năm
D. 05 năm

Câu 165. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, trường hợp người tập sự đạt yêu cầu, ai là người có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương cho công chức được tuyển dụng?

A. Người đứng đầu cơ quan quản lý công chức
B. Trưởng Ban tổ chức Tỉnh ủy
C. Giám đốc Sở Nội vụ
D. Bộ trưởng Bộ nội vụ

Câu 166. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, ai là người chịu trách nhiệm bố trí, phân công công tác, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của công chức, bảo đảm các điều kiện cần thiết để công chức thi hành nhiệm vụ và thực hiện các chế độ, chính sách đối với công chức?

A. Người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức
B. Người đứng đầu cơ quan tuyển dụng công chức
C. Người đứng đầu cơ quan quản lý công chức
D. Tất cả phương án

Câu 167. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, quyết định tuyển dụng công chức bị hủy bỏ trong trường hợp nào?

A. Người tập sự không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự
B. Người tập sự có hành vi vi phạm đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức

C. Người tập sự không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự hoặc có hành vi vi phạm đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.
D. Không có đáp án đúng

Câu 168. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, biệt phái công chức được thực hiện trong trường hợp nào sau đây?
A. Theo nhiệm vụ đột xuất, cấp bách
B. Theo yêu cầu nhiệm vụ cụ thể
C. Chuyển đổi vị trí công tác theo quy định của Đảng và pháp luật.
D. Tất cả phương án

Câu 169. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, thời hạn biệt phái công chức không quá bao nhiêu năm (trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành)?
A. 02 năm
B. 03 năm
C. 04 năm
D. 05 năm

Câu 170. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được điều động, biệt phái đến vị trí công tác khác mà phụ cấp chức vụ mới thấp hơn phụ cấp chức vụ hiện đang đảm nhiệm thì được bảo lưu phụ cấp chức vụ trong thời gian bao nhiêu tháng?
A. 03 tháng
B. 06 tháng
C. 09 tháng
D. 12 tháng

Câu 171. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, cơ quan nào chủ trì tổ chức thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên chính lên ngạch chuyên viên cao cấp trong các cơ quan nhà nước?
A. Ban tổ chức Trung ương
B. Bộ Nội vụ hoặc Ban tổ chức Trung ương
C. Bộ Nội vụ
D. Chính phủ

Câu 172. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, cơ quan nào chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ tổ chức thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên chính lên ngạch chuyên viên cao cấp trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội?
A. Chính phủ
B. Ban Tổ chức Trung ương
C. Ban Tổ chức Trung ương hoặc Bộ Nội vụ
D. Bộ Nội vụ

Câu 173. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, việc xem xét từ chức đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý không được thực hiện trong trường hợp nào sau đây?
A. Tự nguyện thôi giữ chức vụ để chuyển giao vị trí lãnh đạo;
B. Do tự nhận thấy không đủ tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc vị trí công tác không phù hợp;
C. Vì các lý do chính đáng khác của công chức
D. Đang trong thời gian chịu sự thanh tra, kiểm tra, điều tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định của Đảng và pháp luật.

Câu 174. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, thời gian luân chuyển công chức lãnh đạo, quản lý được quy định như thế nào?

A. Thời gian luân chuyển ít nhất 3 năm (36 tháng) đối với một lần luân chuyển. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.
B. Thời gian luân chuyển ít nhất 2 năm (24 tháng) đối với một lần luân chuyển. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.
C. Thời gian luân chuyển ít nhất 1 năm (12 tháng) đối với một lần luân chuyển. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.
D. Các phương án trên đều sai

Câu 175. Nghị định 138/2020/NĐ-CP quy định như thế nào về nhận xét, đánh giá công chức lãnh đạo, quản lý luân chuyển?

A. Định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, tổ chức tiến hành nhận xét, đánh giá công chức luân chuyển đến; báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.
B. Định kỳ hàng quý, hàng năm hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, tổ chức tiến hành nhận xét, đánh giá công chức luân chuyển đến; báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.
C. Định kỳ 6 tháng, hằng năm hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, tổ chức tiến hành nhận xét, đánh giá công chức luân chuyển đến; báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.
D. Các phương án trên đều sai

Câu 176. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, thời gian tập sự của công chức loại C là:

A. 6 tháng
B. 12 tháng
C. 2 năm
D. Tất cả phương án trên đều sai

Câu 177. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, thời gian tập sự của công chức loại D là:

A. 6 tháng
B. 12 tháng
C. 2 năm
D. Tất cả phương án trên đều sai

Câu 178. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP quy định về nội dung tập sự bao gồm:

A. Nắm vững quy định của pháp luật về công chức; nắm vững cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan công tác; nội quy, quy chế làm việc của cơ quan và chức trách, nhiệm vụ của vị trí việc làm được tuyển dụng;
B. Trau dồi kiến thức và kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm được tuyển dụng;
C. Tập giải quyết, thực hiện các công việc của vị trí việc làm được tuyển dụng.
D. Tất cả các phương án trên

Câu 179. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, việc công chức tập sự tham gia các lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước được quy định như thế nào?

A. Công chức tập sự không được tham gia bồi dưỡng quản lý nhà nước.
B. Trong thời gian thực hiện chế độ tập sự, người đứng đầu cơ quan quản lý, sử dụng công chức phải cử người thực hiện chế độ tập sự tham gia khóa bồi dưỡng quản lý

nhà nước để hoàn thiện tiêu chuẩn, điều kiện của ngạch công chức trước khi bổ nhiệm. Thời gian tham gia khóa bồi dưỡng quản lý nhà nước được tính vào thời gian tập sự.

C. Trong thời gian thực hiện chế độ tập sự, người đứng đầu cơ quan quản lý, sử dụng công chức phải cử người thực hiện chế độ tập sự tham gia khóa bồi dưỡng quản lý nhà nước để hoàn thiện tiêu chuẩn, điều kiện của ngạch công chức trước khi bổ nhiệm. Thời gian tham gia khóa bồi dưỡng quản lý nhà nước không được tính vào thời gian tập sự.

D. Tất cả phương án trên đều sai

Câu 180. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, người tập sự được hưởng 100% mức lương và phụ cấp của ngạch tuyển dụng tương ứng với trình độ đào tạo khi thuộc trường hợp nào sau đây?

A. Làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

B. Làm việc trong các ngành, nghề độc hại nguy hiểm;

C. Hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng

Câu 181. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, trong thời gian tập sự, người tập sự được hưởng bằng bao nhiêu % của mức lương bậc 1 của ngạch tuyển dụng?

A. 80%

B. 85%

C. 90%

D. 95%

Câu 182. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, thì việc điều động công chức được thực hiện trong các trường hợp sau đây?

A. Theo yêu cầu nhiệm vụ cụ thể;

B. Theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng công chức trong cơ quan, tổ chức và giữa các cơ quan, tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

C. Chuyển đổi vị trí công tác theo quy định của Đảng và pháp luật

D. Tất cả đều đúng

Câu 183. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, thì quy định nào sau đây không đúng với quy định về biệt phái công chức?

A. Biệt phái theo nhiệm vụ đột xuất, cấp bách.

B. Biệt phái Để thực hiện công việc cần giải quyết trong một thời gian nhất định.

C. Thời hạn biệt phái công chức không quá 03 năm, trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

D. Biệt phái theo đơn khiếu nại của người dân về hành vi của công chức.

Câu 184. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, thì thời gian tập sự có được được tính vào thời gian xét nâng bậc lương không?

A. Có

B. Không

C. Tính 85% thời gian tập sự

D. Tùy trường hợp

Câu 185. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, thì cơ quan nào có thẩm quyền biệt phái công chức?

A. Bộ Nội vụ
B. Sở Nội vụ
C. Ban tổ chức tỉnh ủy
D. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức được phân công, phân cấp quản lý công chức quyết định việc biệt phái công chức thuộc thẩm quyền quản lý hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

Câu 186. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, thì một trong những điều kiện để công chức được đăng ký dự thi nâng ngạch phải được xếp loại chất lượng trong năm công tác liền kề ở mức nào?

A. Không hoàn thành nhiệm vụ trở lên
B. Hoàn thành nhiệm vụ trở lên
C. Hoàn thành tốt nghiệm vụ trở lên
D. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trở lên

Câu 187. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, thì đâu là điều kiện để công chức được đăng ký dự thi nâng ngạch?

A. Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi nâng ngạch; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật
B. Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch công chức cao hơn ngạch công chức hiện giữ trong cùng ngành chuyên môn
C. Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch dự thi; đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu đối với từng ngạch công chức quy định tại tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch dự thi
D. Tất cả đều đúng

Câu 188. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, thì yêu cầu về thành tích xuất sắc trong hoạt động công vụ để xét nâng ngạch công chức bao gồm các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ của công chức nào là nội dung nào sau đây?

A. Đối với nâng ngạch từ ngạch nhân viên hoặc tương đương lên ngạch cán sự hoặc tương đương; từ ngạch cán sự hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương: Được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và 02 lần đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở;
B. Đối với nâng ngạch từ ngạch chuyên viên hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương: Được khen thưởng Huân chương Lao động hạng Ba và đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;
C. Đối với nâng ngạch từ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương: Được khen thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất hoặc đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc.
D. Tất cả đều đúng

Câu 189. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, thì việc thi từ ngạch chuyên viên chính lên ngạch chuyên viên cao cấp do cơ quan nào tổ chức?

A. Bộ Nội vụ
B. Ban Tổ chức Trung ương

C. Bộ Nội vụ chủ trì tổ chức thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên chính lên ngạch chuyên viên cao cấp trong các cơ quan nhà nước. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ tổ chức thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên chính lên ngạch chuyên viên cao cấp trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.
D. Không có đáp án đúng

Câu 190. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, thì việc thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương do cơ quan tổ chức?

A. Cơ quan quản lý công chức chủ trì tổ chức thi nâng ngạch công chức sau khi có ý kiến về nội dung Đề án và chỉ tiêu nâng ngạch của Bộ Nội vụ (đối với các cơ quan nhà nước) hoặc Ban Tổ chức Trung ương (đối với các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội)
B. Bộ Nội vụ
C. Ban tổ chức Trung ương
D. Không có đáp án đúng

Câu 191. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, thì việc thi nâng ngạch từ ngạch nhân viên hoặc tương đương lên ngạch cán sự hoặc tương đương; từ ngạch cán sự hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương do cơ quan nào tổ chức?

A. Sở Nội vụ
B. Ban tổ chức tỉnh ủy
C. Cơ quan quản lý công chức chủ trì tổ chức thi nâng ngạch công chức sau khi có ý kiến về chỉ tiêu nâng ngạch của Bộ Nội vụ (đối với các cơ quan nhà nước) hoặc Ban Tổ chức Trung ương (đối với các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội).
D. Không có đáp án đúng

Câu 192. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, thì hồ sơ thi nâng ngạch công chức bao gồm những tài liệu nào?

A. Sơ yếu lý lịch công chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi nâng ngạch, có xác nhận của cơ quan quản lý, sử dụng công chức;
B. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan, tổ chức sử dụng công chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi theo quy định;
C. Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi
D. Tất cả các tài liệu trên

Câu 193. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, thì hình thức thi nâng ngạch công chức bao gồm các nội dung nào?

A. Môn kiến thức chung
B. Môn ngoại ngữ và môn tin học (trừ trường hợp được miễn)
C. Môn chuyên môn, nghiệp vụ
D. Tất cả các đáp án

Câu 194. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, thì để xác người trúng tuyển trong kỳ thi nâng ngạch cần dựa vào nội dung nào?

A. Có số câu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng môn thi (Môn kiến thức chung, môn ngoại ngữ, môn tin học) trừ trường hợp miễn thi.
B. Có kết quả điểm bài thi môn chuyên môn, nghiệp vụ đạt từ 50 điểm trở lên, trường hợp thi nâng ngạch lên chuyên viên cao cấp hoặc tương đương thì phải đạt từ 100

điểm trở lên (trong đó điểm bài thi viết đề án và bài thi bảo vệ đề án phải đạt từ 50 điểm trở lên của mỗi bài thi) và lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu nâng ngạch được giao.

C. Có số câu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng môn thi (Môn kiến thức chung, môn ngoại ngữ, môn tin học), trừ trường hợp miễn thi. Và có kết quả điểm bài thi môn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đạt từ 50 điểm trở lên, trường hợp thi nâng ngạch lên chuyên viên cao cấp hoặc tương đương thì phải đạt từ 100 điểm trở lên (trong đó điểm bài thi viết đề án và bài thi bảo vệ đề án phải đạt từ 50 điểm trở lên của mỗi bài thi) và lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu nâng ngạch được giao.

D. Không có đáp án đúng

Câu 195. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, thì Hội đồng thi nâng ngạch công chức phải thông báo kết quả thi nâng ngạch cho cơ quan quản lý công chức về điểm thi của công chức dự thi nâng ngạch để thông báo cho công chức dự thi được biết trong thời hạn nào?

A. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chấm thi
B. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thi
C. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chấm thi
D. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thi

Câu 196. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, thì người đứng đầu cơ quan quản lý công chức ra quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với công chức trúng tuyển theo quy định trong thời gian nào?

A. Chậm nhất 25 ngày kể từ ngày nhận được danh sách công chức trúng tuyển trong kỳ thi nâng ngạch
B. Chậm nhất 20 ngày kể từ ngày nhận được danh sách công chức trúng tuyển trong kỳ thi nâng ngạch
C. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách công chức trúng tuyển trong kỳ thi nâng ngạch
D. Tùy trường hợp

Câu 197. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, thì thời hạn giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cho mỗi lần bổ nhiệm là bao nhiêu năm?

A. 05 năm, tính từ thời điểm quyết định bổ nhiệm có hiệu lực
B. 05 năm, tính từ thời điểm quyết định bổ nhiệm có hiệu lực, trừ trường hợp thời hạn dưới 05 năm theo quy định của pháp luật chuyên ngành
C. 10 năm, tính từ thời điểm quyết định bổ nhiệm có hiệu lực, trừ trường hợp thời hạn dưới 10 năm theo quy định của pháp luật chuyên ngành
D. 05 năm, tính từ thời điểm quyết định bổ nhiệm có hiệu lực, trừ trường hợp thời hạn dưới 2,5 năm theo quy định của pháp luật chuyên ngành

Câu 198. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, thì việc xem xét từ chức đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được thực hiện trong các trường hợp nào?

A. Tự nguyện thôi giữ chức vụ để chuyển giao vị trí lãnh đạo
B. Do tự nhận thấy không đủ tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc vị trí công tác không phù hợp
C. Vì các lý do chính đáng khác của công chức
D. Tất cả đều đúng

Câu 199. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, thì chính sách về đào tạo, bồi dưỡng đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ bao gồm những chính sách nào?

A. Được cử tham gia các chương trình bồi dưỡng kiến thức cơ bản, tổng quan của ngành, nghề, lĩnh vực công tác phù hợp với định hướng phát triển;
B. Được cử tham gia các khóa đào tạo tập trung trong nước, quốc tế đối với các chương trình phù hợp với ngành, nghề, lĩnh vực phù hợp với định hướng phát triển;
C. Được cử tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng khác phù hợp với đặc thù ngành, lĩnh vực, địa phương do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định.
D. Tất cả đều đúng

Câu 200. Theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP, thì chính sách về quy hoạch, bổ nhiệm đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ bao gồm những chính sách nào?
A. Được ưu tiên xem xét, lựa chọn quy hoạch, bổ nhiệm vào chức danh lãnh đạo, quản lý hoặc chuyên gia đầu ngành của lĩnh vực công tác;
B. Được ưu tiên tập trung bồi dưỡng theo hướng trở thành nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành của lĩnh vực phù hợp với chuyên môn công tác; được giao chủ trì các đề tài, công trình nghiên cứu khoa học từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên
C. Được ưu tiên xem xét, lựa chọn quy hoạch, bổ nhiệm vào chức danh lãnh đạo, quản lý hoặc chuyên gia đầu ngành của lĩnh vực công tác; và Được ưu tiên tập trung bồi dưỡng theo hướng trở thành nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành của lĩnh vực phù hợp với chuyên môn công tác; được giao chủ trì các đề tài, công trình nghiên cứu khoa học từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên
D. Không có chính sách về quy hoạch, bổ nhiệm

Câu 201. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Mức đánh giá nào sau đây không phải là mức đánh giá cán bộ?
A. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
B. Không hoàn thành nhiệm vụ.
C. Hoàn thành nhiệm vụ
D. Hoàn thành nhiệm vụ, nhưng còn hạn chế về năng lực

Câu 202. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019). Kết quả xếp loại chất lượng cán bộ được sử dụng như thế nào?
A. Lưu vào hồ sơ cán bộ
B. Công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi cán bộ công tác
C. Thông báo đến cán bộ được đánh giá
D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 203. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019). Kết quả xếp loại chất lượng cán bộ không được:
A. Thông báo đến cán bộ được đánh giá
B. Lưu vào hồ sơ cán bộ
C. Công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi cán bộ công tác
D. Thông báo đến gia đình

Câu 204. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019). Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền miễn nhiệm, cho thôi làm nhiệm vụ đối với cán bộ có bao nhiêu năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ?
A. 01
B. 03
C. 04
D. 02

Câu 205. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019). Căn cứ vào lĩnh vực ngành, nghề, chuyên môn, nghiệp vụ, công chức được phân chia thành mấy loại?
A. 7 loại
B. 6 loại
C. 4 loại
D. 5 loại
Câu 206. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019). Cơ quan nào qui định chi tiết Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi nâng ngạch, xét nâng ngạch công chức?
A. Bộ nội vụ
B. Cơ quan ngang bộ
C. Quốc hội
D. Chính phủ
Câu 207. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019). Công chức dự thi nâng ngạch phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện nào sau đây?
A. Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch công chức cao hơn ngạch công chức hiện giữ trong cùng ngành chuyên môn;
B. Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu đối với từng ngạch công chức.
C. Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi nâng ngạch; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật quy định tại Điều 82 của Luật Cán bộ, Công chức 2008 và Luật Cán bộ, Công chức sửa đổi 2019
D. Tất cả các phương án đều đúng
Câu 208. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019). Công chức được xét nâng ngạch phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện nào sau đây?
A. Công chức đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch (Trừ tiêu chuẩn, điều kiện đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu đối với từng ngạch công chức) (1)

B. Được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý gắn với yêu cầu của vị trí việc làm (2)
C. Cả (1) và (2) đúng
D. Cả (1) và (2) sai
Câu 209. Luật Cán bộ, công chức năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2019 đã bổ sung thêm bao nhiêu hình thức nâng ngạch công chức so với Luật Cán bộ, Công chức 2008.
A. 2 hình thức
B. 0 hình thức
C. 1 hình thức
D. 3 hình thức
Câu 210. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019) có bao nhiêu hình thức nâng ngạch công chức?
A. 4 hình thức
B. 1 hình thức
C. 3 hình thức
D. 2 hình thức
Câu 211. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), Ngạch là:

A. Ngạch là tên gọi thể hiện thứ bậc về năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của công chức
B. Ngạch là tên gọi thể hiện cấp bậc về năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của công chức
C. Ngạch là tên gọi thể hiện vị trí việc làm thể hiện về năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của công chức
D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 212. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019). Có bao nhiêu trường hợp Công chức đủ các tiêu chuẩn, điều kiện (Trừ tiêu chuẩn, điều kiện đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu đối với từng ngạch công chức) dự thi nâng ngạch được xét nâng ngạch?
A. 3 trường hợp
B. 2 trường hợp
C. 4 trường hợp
D. 1 trường hợp

Câu 213. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019). Cơ quan nào quy định thẩm quyền tổ chức thi nâng ngạch, xét nâng ngạch công chức phù hợp với phân cấp quản lý công chức trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội?
A. Chính phủ
B. Bộ Nội vụ
C. Cơ quan ngang Bộ
D. Quốc hội

Câu 214. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019). Ai là người ban hành quy chế đánh giá công chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình?
A. Bộ Trưởng Bộ nội vụ
B. Giám đốc Sở nội vụ
C. Người đứng đầu cơ quan cơ quan quản lý công chức
D. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức

Câu 215. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019). Có bao nhiêu nội dung đánh giá đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý?
A. 5 nội dung
B. 7 nội dung
C. 8 nội dung
D. 6 nội dung

Câu 216. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019). Có bao nhiêu nội dung đánh giá đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý?
A. 10 nội dung
B. 9 nội dung
C. 11 nội dung
D. 8 nội dung

Câu 217. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019). Nội dung nào sau đây không phải là nội dung đánh giá đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý?
A. Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong và lề lối làm việc

B. Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan, tổ chức, đơn vị
C. Tiến độ, chất lượng các công việc được giao
D. Năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

Câu 218. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019). Nội dung đánh giá về "Năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ" là một trong những nội dung đánh giá của công chức nào?
A. Công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý (1)
B. Công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý (2)
C. Cả (1) và (2) sai
D. Cả (1) và (2) đúng

Câu 219. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019). Đánh giá công chức được thực hiện vào thời điểm nào?
A. Đánh giá trước khi thực hiện xét nâng ngạch, nâng lương trước thời hạn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quy hoạch, điều động
B. Đánh giá trước khi kết thúc thời gian luân chuyển, biệt phái
C. Đánh giá hàng năm
D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 220. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019). Xác định phương án sai về thời điểm đánh giá công chức?
A. Đánh giá sau khi thực hiện xét nâng ngạch, nâng lương trước thời hạn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quy hoạch, điều động
B. Đánh giá trước khi kết thúc thời gian luân chuyển, biệt phái
C. Đánh giá hàng năm
D. Không có phương án nào sai

Câu 221. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019). Căn cứ vào yêu cầu quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị, ai là người quy định đánh giá công chức theo quý, tháng hoặc tuần phù hợp với đặc thù công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, bảo đảm công khai, dân chủ, khách quan, định lượng bằng kết quả, sản phẩm cụ thể?
A. Bộ Trưởng bộ Nội vụ
B. Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức
C. Thủ tướng Chính phủ
D. Giám đốc sở nội vụ

Câu 222. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019). Kết quả đánh giá công chức theo quý, tháng hoặc tuần là căn cứ để thực hiện đánh giá công chức vào thời điểm nào?
A. Đánh giá hàng năm
B. Đánh giá trước khi thực hiện xét nâng ngạch, nâng lương trước thời hạn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quy hoạch, điều động.
C. Đánh giá trước khi kết thúc thời gian luân chuyển, biệt phái
D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 223. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019). Căn cứ vào kết quả đánh giá, công chức được xếp loại chất lượng theo bao nhiêu mức?
A. 6 mức
B. 4 mức
C. 3 mức
D. 5 mức

Câu 224. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019). Mức đánh giá nào sau đây không phải là mức đánh giá công chức?
A. Hoàn thành nhiệm vụ, nhưng còn hạn chế về năng lực
B. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
C. Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ
D. Không hoàn thành nhiệm vụ.
Câu 225. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019). Kết quả xếp loại chất lượng công chức được sử dụng như thế nào?
A. Lưu vào hồ sơ Công chức
B. Công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi Công chức công tác
C. Thông báo đến Công chức được đánh giá
D. Tất cả các phương án đều đúng
Câu 226. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019). Kết quả xếp loại chất lượng Công chức không được sử dụng để:
A. Công khai trên mạng xã hội
B. Công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi Công chức công tác
C. Lưu vào hồ sơ Công chức
D. Thông báo đến Công chức được đánh giá
Câu 227. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019): "Cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền cho thôi việc đối với công chức có ..... năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ."
A. 02
B. 03
C. 04
D. 01
Câu 228. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019): "Công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có ..... năm không liên tiếp trong thời hạn bổ nhiệm được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ thì bố trí công tác khác hoặc không bổ nhiệm lại".
A. 03
B. 05
C. 04
D. 02
Câu 229. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), công chức bị cho thôi việc trong trường hợp nào sau đây?
A. Công chức có 02 năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ
B. Công chức có 03 năm không liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ
C. Công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong 03 năm có 02 năm không liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ ở vị trí việc làm đang đảm nhận
D. Tất cả các phương án đều đúng
Câu 230. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), cán bộ bị thôi việc trong trường hợp nào sau đây:
A. Cán bộ có 02 năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ. (1)
B. Bị Tòa án kết án phạt tù mà không được hưởng án treo (3)

C. Bị kết án về tội phạm tham nhũng (2)
D. Phương án (2) và (3)
Câu 231. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), hình thức kỷ luật nào sau đây không áp dụng đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý?
A. Buộc thôi việc.
B. Khiển trách; Cảnh cáo
C. Hạ bậc lương
D. Giáng chức; Cách chức
Câu 232. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), hình thức kỷ luật nào sau đây áp dụng đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý?
A. Giáng chức; Cách chức;
B. Khiển trách; Cảnh cáo
C. Buộc thôi việc.
D. Tất cả các phương án đều đúng
Câu 233. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), hình thức kỷ luật nào sau đây không phải là hình thức kỷ luật đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý?
A. Khiển trách; Cảnh cáo
B. Xử phạt hành chính
C. Buộc thôi việc.
D. Giáng chức; Cách chức;
Câu 234. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), hình thức kỷ luật nào sau đây không phải là hình thức kỷ luật đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý?
A. Khiển trách; Cảnh cáo
B. Xử phạt hành chính
C. Buộc thôi việc.
D. Hạ bậc lương
Câu 235. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), hình thức kỷ luật nào sau đây không áp dụng đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý?
A. Hạ bậc lương
B. Giáng chức; Cách chức
C. Khiển trách; Cảnh cáo
D. Buộc thôi việc.
Câu 236. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), có bao nhiêu hình thức kỷ luật đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý?
A. 7 hình thức
B. 6 hình thức
C. 5 hình thức
D. 4 hình thức
Câu 237. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), có bao nhiêu hình thức kỷ luật đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý?
A. 6 hình thức
B. 4 hình thức
C. 5 hình thức
D. 7 hình thức

Câu 238. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), hình thức kỷ luật nào sau đây không phải là hình thức kỷ luật đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý?
A. Buộc thôi việc.
B. Khiển trách; Cảnh cáo
C. Thôi giữ chức vụ bầu cử
D. Giáng chức; Cách chức

Câu 239. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), hình thức kỷ luật nào sau đây không phải là hình thức kỷ luật đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý?
A. Khiển trách; Cảnh cáo
B. Buộc thôi việc.
C. Bãi nhiệm
D. Giáng chức; Cách chức

Câu 240. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), hình thức kỷ luật nào sau đây không phải là hình thức kỷ luật đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý?
A. Khiển trách; Cảnh cáo
B. Miễn nhiệm
C. Giáng chức; Cách chức
D. Buộc thôi việc.

Câu 241. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), hình thức kỷ luật nào sau đây áp dụng đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý?
A. Khiển trách; Cảnh cáo
B. Buộc thôi việc.
C. Hạ bậc lương
D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 242. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), hình thức kỷ luật nào sau đây không phải là hình thức kỷ luật đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý?
A. Phê bình
B. Hạ bậc lương
C. Khiển trách; Cảnh cáo
D. Buộc thôi việc.

Câu 243. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), hình thức kỷ luật nào sau đây không phải là hình thức kỷ luật đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý?
A. Buộc thôi việc.
B. Phê bình
C. Khiển trách; Cảnh cáo
D. Giáng chức; Cách chức;

Câu 244. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), cán bộ, công chức sẽ không được áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật và bị xem xét xử lý kỷ luật vào bất cứ thời điểm nào nếu bị phát hiện là có một trong các hành vi vi phạm nào sau đây?
A. Cán bộ, công chức là đảng viên có hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khai trừ.
B. Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp.

C. Có hành vi vi phạm quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ.
D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 245. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), thời hiệu xử lý kỷ luật là:

A. Thời hiệu xử lý kỷ luật là cán bộ, công chức có hành vi vi phạm không bị xử lý kỷ luật. Thời hiệu xử lý kỷ luật được tính từ thời điểm có hành vi vi phạm.
B. Thời hiệu xử lý kỷ luật là thời gian cán bộ có hành vi vi phạm không bị xử lý kỷ luật. Thời hiệu xử lý kỷ luật được tính từ thời điểm có hành vi vi phạm.
C. Thời hiệu xử lý kỷ luật là thời hạn mà khi hết thời hạn đó thì cán bộ, công chức có hành vi vi phạm không bị xử lý kỷ luật. Thời hiệu xử lý kỷ luật được tính từ thời điểm có hành vi vi phạm.
D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 246. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), thời hạn xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức là:

A. Là thời hạn mà khi hết thời hạn đó thì cán bộ, công chức có hành vi vi phạm không bị xử lý kỷ luật.
B. Là thời hạn xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức là khoảng thời gian từ khi phát hiện hành vi vi phạm kỷ luật của cán bộ, công chức đến khi có quyết định xử lý kỷ luật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.
C. Là thời hạn xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức là thời gian Cán bộ, Công chức chịu hình thức xử lý kỷ luật từ khi có quyết định xử lý kỷ luật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.
D. Tất cả các phương án đều sai

Câu 247. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), hết thời hạn quy định xử lý kỷ luật, cán bộ, công chức không vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì sẽ:

A. Tiếp tục quy hoạch, đào tạo theo quy định của pháp luật.
B. Tiếp tục thực hiện nâng ngạch theo quy định của pháp luật.
C. Tiếp tục bổ nhiệm theo quy định của pháp luật.
D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 248. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), cán bộ, công chức đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử thì không được:

A. Ứng cử, đề cử, bổ nhiệm
B. Điều động, luân chuyển, biệt phái
C. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch hoặc thôi việc
D. Tất các các phương án đều đúng

Câu 249. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), kể từ ngày 01/07/2020, cán bộ, công chức mặc dù đã nghỉ hưu nhưng nếu có hành vi vi phạm trước đó vẫn sẽ bị xử lý kỷ luật theo hình thức kỷ luật nào sau đây?

A. Xóa tư cách chức vụ đã đảm nhiệm
B. Khiển trách
C. Cảnh cáo
D. Tất cả các phương án đều đúng

Câu 250. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), hình thức kỷ luật nào say đây không phải là hình thức kỷ luật khi Cán bộ, công chức đang công tác?

A. Xóa tư cách chức vụ đã đảm nhiệm
B. Khiển trách
C. Cảnh cáo
D. Không có phương án nào đúng

Câu 251. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), trong trường hợp nào, hành vi vi phạm kỷ luật của cán bộ, công chức trong thời gian công tác không bị xử lý khi được phát hiện?
A. Cán bộ, Công chức đã mất
B. Cán bộ, Công chức đang công tác
C. Cán bộ, Công chức đã nghỉ hưu
D. Cán bộ, Công chức đã nghỉ việc

Câu 252. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), hành vi vi phạm trong thời gian công tác của cán bộ, công chức mà khi cán bộ, công chức đã nghỉ việc hoặc về hưu mới phát hiện thì căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng, người có hành vi vi phạm có thể bị xử lý?
A. Xử lý kỷ luật
B. Xử lý hình sự
C. Xử lý hành chính
D. Tất các phương án đều đúng

Câu 253. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), bãi nhiệm là gì?
A. Việc cán bộ, công chức không được tiếp tục giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ
B. Việc công chức không được tiếp tục giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ
C. Việc cán bộ không được tiếp tục giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ
D. Việc viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý không được tiếp tục giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ

Câu 254. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), bổ nhiệm là gì?
A. Là việc cán bộ, công chức được thôi giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm
B. Là việc cán bộ không được tiếp tục giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ
C. Là việc công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị hạ xuống chức vụ thấp hơn
D. Là việc cán bộ, công chức được quyết định giữ một chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc một ngạch theo quy định của pháp luật.

Câu 255. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), giáng chức là gì?
A. Là việc cán bộ, công chức được thôi giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm
B. Là việc công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị hạ xuống chức vụ thấp hơn
C. Là việc cán bộ, công chức được quyết định giữ một chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc một ngạch theo quy định của pháp luật
D. Là việc cán bộ không được tiếp tục giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ

Câu 256. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), nội dung nào sau đây là nghĩa vụ của cán bộ, công chức đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân?

A. Trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ danh dự Tổ quốc và lợi ích quốc gia
B. Tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân. Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân
C. Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước
D. Cả 3 ý trên đều đúng

Câu 257. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), nội dung nào sau đây không phải là nghĩa vụ của cán bộ, công chức đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân?

A. Trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ danh dự Tổ quốc và lợi ích quốc gia
B. Tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân
C. Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân
D. Đại diện quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân

Câu 258. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), nội dung nào sau đây không phải là nghĩa vụ của cán bộ, công chức trong thi hành công vụ?

A. Thực hiện đúng, đầy đủ và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
B. Chủ động và phối hợp chặt chẽ trong thi hành công vụ; giữ gìn đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.
C. Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân
D. Bảo vệ, quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản nhà nước được giao.

Câu 259. Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019) quy định cán bộ, công chức có bao nhiêu nghĩa vụ đối với Đảng, Nhà nước và Nhân dân?

A. 5
B. 4
C. 3
D. 2

Câu 260. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), đâu là nghĩa vụ của cán bộ, công chức là người đứng đầu?

A. Chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
B. Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thi hành công vụ của cán bộ, công chức;
C. Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống quan liêu, tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm về việc để xảy ra quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;
D. Cả 3 câu trên đều đúng

Câu 261. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), cán bộ, công chức được bảo đảm bao nhiêu quyền về điều kiện thi hành công vụ?

A. 5
B. 4
C. 3
D. 2

Câu 262. Phương án nào sau đây thể hiện đầy đủ và đúng những quyền cơ bản của cán bộ, công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019)?
A. Cán bộ, công chức có quyền được bảo đảm các điều kiện thi hành công vụ; quyền được đảm bảo tiền lương và các chế độ liên quan đến tiền lương; quyền được nghỉ ngơi và hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật
B. Cán bộ, công chức được bảo đảm các điều kiện về tiền lương và các chế độ liên quan đến tiền lương; được nghỉ ngơi và hưởng các quyền khác theo quy định
C. Cán bộ, công chức được bảo đảm các điều kiện thi hành công vụ; được đảm bảo tiền lương và hưởng các quyền khác theo quy định
D. Cán bộ được bảo đảm các điều kiện thi hành công vụ; được đảm bảo tiền lương và hưởng các chế độ liên quan đến tiền lương; được nghỉ ngơi
Câu 263. Theo quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), nội dung nào sau đây không thuộc quyền của cán bộ, công chức được bảo đảm các điều kiện thi hành công vụ?
A. Được giao quyền tương xứng với nhiệm vụ
B. Được bảo đảm các trang thiết bị và các điều kiện làm việc theo quy định của pháp luật
C. Được tăng lương trước thời hạn
D. Được pháp luật bảo vệ khi thi hành công vụ
Câu 264. Theo quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), cán bộ, công chức được bảo đảm quyền nào sau đây về điều kiện thi hành công vụ?
A. Được giao quyền tương xứng với nhiệm vụ.
B. Được bảo đảm trang thiết bị và các điều kiện làm việc khác theo quy định của pháp luật
C. Được cung cấp thông tin liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
D. Cả 3 câu trên đều đúng
Câu 265. Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019) quy định một trong các quyền của cán bộ, công chức về tiền lương và các chế độ liên quan đến tiền lương là?
A. Được hưởng tiền làm thêm giờ, tiền làm đêm, công tác phí và các chế độ khác theo quy định của pháp luật
B. Chỉ được hưởng tiền làm thêm giờ
C. Được hưởng tiền làm thêm giờ, tiền làm đêm, không được hưởng công tác phí
D. Được hưởng tiền làm thêm giờ và công tác phí, không được hưởng tiền làm đêm
Câu 266. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), cán bộ, công chức làm việc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc trong các ngành, nghề có môi trường độc hại, nguy hiểm được hưởng chính sách gì về lương?
A. Hưởng phụ cấp
B. Hưởng chính sách ưu đãi
C. Đáp án 1 và 2 đúng
D. Đáp án 1 và 2 sai
Câu 267. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), nội dung nào dưới đây không phải là quyền của cán bộ, công chức?
A. Được hưởng chính sách ưu đãi về nhà ở
B. Được quyền thành lập công ty hợp danh

C. Được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật
D. Được hưởng chính sách ưu đãi về phương tiện đi lại

Câu 268. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), Cán bộ, công chức phải thực hiện tiêu chuẩn đạo đức gì trong hoạt động công vụ?
A. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư
B. Cần, kiệm, liêm, chính
C. Chí công vô tư
D. Liêm khiết

Câu 269. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), trong khi thi hành công vụ, cán bộ, công chức phải thực hiện đúng các quy định nào dưới đây?
A. Mang phù hiệu hoặc thẻ công chức
B. Có tác phong lịch sự; giữ gìn uy tín, danh dự cho cơ quan, tổ chức, đơn vị và đồng nghiệp
C. Mang phù hiệu hoặc thẻ công chức; có tác phong lịch sự; giữ gìn uy tín, danh dự cho cơ quan, tổ chức, đơn vị và đồng nghiệp
D. Mang phù hiệu hoặc thẻ công chức; có tác phong lịch sự; giữ gìn uy tín, danh dự cho cơ quan, tổ chức, đơn vị và đồng nghiệp; phải có giấy giới thiệu của các cấp có thẩm quyền

Câu 270. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), cán bộ, công chức phải thực hiện đúng những quy định nào về văn hóa giao tiếp ở công sở?
A. Có thái độ lịch sự, tôn trọng đồng nghiệp; ngôn ngữ giao tiếp phải chuẩn mực, rõ ràng, mạch lạc.
B. Lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp; công bằng, vô tư, khách quan khi nhận xét, đánh giá; thực hiện dân chủ và đoàn kết nội bộ.
C. Đáp án 1 và 2 đúng
D. Đáp án 1 và 2 sai

Câu 271. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), văn hóa giao tiếp với nhân dân của Cán bộ, công chức là gì?
A. Gần gũi với Nhân dân
B. Có tác phong, thái độ lịch sự, nghiêm túc, khiêm tốn; ngôn ngữ giao tiếp phải chuẩn mực, rõ ràng, mạch lạc
C. Không được hách dịch, cửa quyền, gây khó khăn, phiền hà cho Nhân dân khi thi hành công vụ
D. Cả 3 phương án trên đều đúng

Câu 272. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), nội dung nào trong các nội dung sau là những việc cán bộ, công chức không được làm liên quan đến đạo đức công vụ?
A. Tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội
B. Trốn tránh trách nhiệm, thoái thác nhiệm vụ được giao; gây bè phái, mất đoàn kết; tự ý bỏ việc hoặc tham gia đình công.
C. Sử dụng tài sản của Nhà nước và của Nhân dân trái pháp luật.
D. Lợi dụng, lạm dụng nhiệm vụ, quyền hạn; sử dụng thông tin liên quan đến công vụ để vụ lợi.

Câu 273. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), có bao nhiêu việc cán bộ, công chức không được làm liên quan đến đạo đức công vụ?
A. 5
B. 4
C. 3

D. 2
Câu 274. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), những việc cán bộ, công chức không được làm liên quan đến đạo đức công vụ là gì?
A. Trốn tránh trách nhiệm, thoái thác nhiệm vụ được giao; gây bè phái, mất đoàn kết; tự ý bỏ việc hoặc tham gia đình công
B. Sử dụng tài sản của Nhà nước và của nhân dân trái pháp luật. Lợi dụng, lạm dụng nhiệm vụ, quyền hạn; sử dụng thông tin liên quan đến công vụ để vụ lợi
C. Phân biệt đối xử dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức
D. Cả 3 ý trên đều đúng
Câu 275. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), căn cứ vào ngạch được bổ nhiệm, công chức Loại A gồm những ai?
A. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương
B. Những người được bổ nhiệm vào ngạch cán sự hoặc tương đương
C. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương
D. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương
Câu 276. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), căn cứ vào ngạch được bổ nhiệm, công chức Loại B gồm những ai?
A. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương
B. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương
C. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương
D. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương
Câu 277. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), căn cứ vào ngạch được bổ nhiệm, công chức Loại C gồm những ai?
A. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương
B. Những người được bổ nhiệm vào ngạch cán sự hoặc tương đương
C. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương
D. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương
Câu 278. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), căn cứ vào ngạch được bổ nhiệm, công chức Loại D gồm những ai?
A. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương
B. Những người được bổ nhiệm vào ngạch cán sự hoặc tương đương và ngạch nhân viên
C. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương
D. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương
Câu 279. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), căn cứ vào kết quả đánh giá, công chức được xếp loại chất lượng theo mấy mức?
A. 4 mức
B. 5 mức
C. 6 mức
D. Cả ba câu trên đều sai
Câu 280. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), việc tuyển dụng công chức phải căn cứ vào:
A. Yêu cầu nhiệm vụ
B. Chỉ tiêu biên chế và vị trí việc làm
C. Vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ
D. Cả A và B
Câu 281. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), thời hạn bổ nhiệm công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý là:

A. 03 năm
B. 05 năm
C. Không thời hạn
D. Do người có thẩm quyền ký quyết định bổ nhiệm quyết định cụ thể
Câu 282. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), công chức được hưởng chế độ thôi việc nếu thuộc trường hợp nào sau đây?
A. Do sắp xếp tổ chức
B. Theo nguyện vọng và được cấp có thẩm quyền đồng ý
C. Công chức 02 năm liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thôi việc
D. Cả ba câu trên

Câu 283. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019): "… là việc cán bộ, công chức được cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển từ cơ quan, tổ chức, đơn vị này đến làm việc ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác."
A. Chuyển ngạch
B. Điều động
C. Luân chuyển
D. Biệt phái
Câu 284. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019): "… là việc cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý được cử hoặc bổ nhiệm giữ một chức danh lãnh đạo, quản lý khác trong một thời hạn nhất định để tiếp tục được đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện theo yêu cầu nhiệm vụ."
A. Chuyển ngạch
B. Điều động
C. Luân chuyển
D. Biệt phái
Câu 285. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), hoạt động công vụ của cán bộ, công chức là:
A. Việc thực hiện nghĩa vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức
B. Việc thực hiện nghĩa vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác có liên quan
C. Việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác có liên quan
D. Cả ba câu đều sai
Câu 286. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), ngoài đánh giá công chức được thực hiện hàng năm, việc đánh giá công chức được thực hiện vào thời điểm nào sau đây?
A. Trước khi bổ nhiệm, quy hoạch, điều động, đào tạo, bồi dưỡng
B. Khi kết thúc thời gian luân chuyển, biệt phái
C. Trước khi bổ nhiệm, quy hoạch, điều động, đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển, biệt phái
D. Cả A và B

Câu 287. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), vị trí việc làm là:

A. Tên gọi thể hiện thứ bậc của công chức

B. Tên gọi thể hiện thứ bậc về năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của công chức
C. Công việc gắn với chức danh, chức vụ, cơ cấu và ngạch công chức để xác định biên chế và bố trí công chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị
D. Vị trí gắn với chức danh, chức vụ, cơ cấu và ngạch công chức để xác định biên chế và bố trí công chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Câu 288. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), cán bộ là:

A. Cán bộ là công dân Việt Nam, được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện), trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.
B. Công dân Việt Nam, được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là cấp tỉnh), ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện), trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.
C. Công dân Việt Nam, được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là cấp tỉnh), ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện), trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.
D. Công dân Việt Nam, được bầu cử giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là cấp tỉnh), ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện), trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Câu 289. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), cán bộ cấp xã là:

A. Là công dân Việt Nam, được bầu cử giữ chức vụ theo nhiệm kỳ trong Thường trực HĐND, UBND, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn.
B. Là công dân Việt Nam, được bầu cử giữ chức vụ theo nhiệm kỳ trong Thường trực HĐND, UBND, Bí thư, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn.
C. Là công dân Việt Nam, được bầu cử giữ chức vụ theo nhiệm kỳ trong Thường trực HĐND, UBND, Bí thư, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn.
D. Là công dân Việt Nam, được bầu cử giữ chức vụ theo nhiệm kỳ trong Thường trực HĐND, UBND, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn.

Câu 290. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), công chức cấp xã là:

A. Công dân Việt Nam được bổ nhiệm giữ một chức danh chuyên môn, nghiệp vụ thuộc UBND cấp xã, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

B. Công dân Việt Nam được bầu cử giữ một chức danh chuyên môn, nghiệp vụ thuộc UBND cấp xã, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.
C. Công dân Việt Nam được bầu cử hoặc bổ nhiệm giữ một chức danh chuyên môn, nghiệp vụ thuộc UBND cấp xã, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.
D. Công dân Việt Nam được tuyển dụng giữ một chức danh chuyên môn, nghiệp vụ thuộc UBND cấp xã, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Câu 291. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), căn cứ vào vị trí công tác, công chức được phân loại gồm:

A. Công chức giữ chức vụ lãnh đạo, công chức quản lý và công chức chuyên môn.
B. Công chức giữ chức vụ lãnh đạo và công chức không giữ chức vụ lãnh đạo.
C. Công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.
D. Công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và chuyên viên.

Câu 292. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), trong thi hành công vụ, cán bộ, công chức chấp hành quyết định của cấp trên, tuy nhiên khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật thì kịp thời báo cáo bằng văn bản với ai?

A. Lãnh đạo cơ quan
B. Người ra quyết định.
C. Cả A, B đều đúng.
D. Cả A, B đều sai.

Câu 293. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), trong thi hành công vụ, cán bộ, công chức chấp hành quyết định của cấp trên, tuy nhiên khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật thì phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với người ra quyết định; trường hợp người ra quyết định vẫn quyết định việc thi hành thì phải có văn bản và người thi hành phải chấp hành nhưng không chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành, đồng thời báo cáo với ai?

A. Cấp trên trực tiếp của người ra quyết định.
B. Hội đồng nhân dân cùng cấp.
C. Cả A, B đều đúng.
D. Cả A, B đều sai.
Câu 294. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), quy định xử lý kỷ luật công chức gồm những hình thức nào?
A. Khiển trách; Cảnh cáo; Hạ bậc lương; Giáng chức; Cách chức; Bãi nhiệm; Buộc thôi việc.
B. Khiển trách; Cảnh cáo; Hạ bậc lương; Giáng chức; Bãi nhiệm; Buộc thôi việc.
C. Khiển trách; Cảnh cáo; Hạ bậc lương; Cách chức; Bãi nhiệm; Buộc thôi việc.
D. Khiển trách; Cảnh cáo; Hạ bậc lương; Giáng chức; Cách chức; Buộc thôi việc.

Câu 295. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, việc xử lý kỷ luật đối với những trường hợp này theo hình thức nào?

A. Khiển trách; Cảnh cáo; Hạ bậc lương; Giáng chức; Buộc thôi việc.
B. Khiển trách; Cảnh cáo; Hạ bậc lương; Buộc thôi việc.
C. Khiển trách; Cảnh cáo; Giáng chức; Cách chức; Buộc thôi việc.
D. Khiển trách; Cảnh cáo; Cách chức; Bãi nhiệm.

Câu 296. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), hiện nay công chức cấp xã có bao nhiêu chức danh?

A. 5 chức danh
B. 6 chức danh
C. 7 chức danh
D. 8 chức danh

Câu 297. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), trong số các hình thức kỷ luật cán bộ, hình thức kỷ luật nào chỉ áp dụng đối với cán bộ được phê chuẩn giữ chức vụ theo nhiệm kỳ?

A. Khiển trách
B. Cảnh cáo
C. Cách chức
D. Bãi nhiệm

Câu 298. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019): "… là việc công chức đang giữ ngạch của ngành chuyên môn này được bổ nhiệm sang ngạch của ngành chuyên môn khác có cùng thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ."

A. Chuyển ngạch
B. Điều động
C. Luân chuyển
D. Nâng ngạch

Câu 299. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), hình thức kỷ luật nào sau đây không áp dụng đối với cán bộ?

A. Cảnh cáo
B. Cách chức
C. Giáng chức
D. Bãi nhiệm

Câu 300. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2019), nội dung nào sau đây không phải là nguyên tắc trong thi hành công vụ?

A. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật
B. Bảo đảm thứ bậc hành chính và sự phối hợp chặt chẽ
C. Công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền và có sự kiểm tra, giám sát
D. Tận tụy phục vụ nhân dân

---Hết---